TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/DS-ST
Ngày: 16-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khắc Quỳnh.

2. Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 901/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 614/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956, Căn cước công dân số: 072156002541; Địa chỉ: xã TTh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị Kim H, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố 4, Phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 20-10-2025), có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Bình A, sinh năm 1982, Căn cước công dân số: 072182014272; Địa chỉ: khu phố TL, phường BM, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Kim H1, sinh năm 1978, căn cước công dân số: 072178004054; Địa chỉ: xã TTh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị Kim H trình bày:

Trước đây, bà Lê Bình A nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị L và đều trả nợ đúng hạn. Ngày 19/8/2024, bà A vay của bà L 300.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay khoảng 01 tháng, có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ). Ngày 05/6/2025, bà A mượn lại giấy CNQSDĐ để vay ngân hàng trả nợ. Sau đó, bà A chỉ trả cho bà L số tiền 80.000.000 đồng và lập giấy xác nhận còn nợ 220.000.000 đồng vào ngày 19/6/2025, hẹn trả hết vào tháng 8 âm lịch nhưng không thực hiện.

Từ khi vay đến nay, bà A không thanh toán tiền lãi và né tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà Lê Bình A thanh toán tiền gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi đến khi xét xử, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện 20/10/2025 là 61.918.000 đồng, được tính cụ thể.

- Từ ngày 19/8/2024 -19/9/2024 là 01 tháng: 300.000.000 đồng x 01 tháng x 0,83% = 2.490.000 đồng.

- Từ ngày 19/9/2024 -19/6/2025 là 09 tháng: 300.000.000 đồng x 1,66% x 09 tháng = 44.820.000 đồng.

- Từ ngày 19/6/2025 tạm tính đến ngày khởi kiện: số tiền gốc 220.000.000 đồng x 4 tháng x 1,66% =14.608.000 đồng.

Anh Lê Công H2 là con bà A ký giấy nợ là người chứng kiến và viết giùm giấy nợ; bà Lê Kim H1 không liên quan nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà L chỉ yêu cầu bà Lê Bình A chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Bình A trình bày:

Ngày 19/8/2024, bà Lê Bình A vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng để kinh doanh mãng cầu, có lập giấy nhận nợ, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, thế chấp giấy CNQSDĐ. Bà đã thanh toán tiền lãi đủ 05 tháng, tổng cộng 45.000.000 đồng, việc thanh toán tiền lãi bà không lập biên nhận mà bà giao trực tiếp cho bà L.

Sau đó, bà thỏa thuận với bà L để lấy lại giấy CNQSDĐ đất nhằm vay ngân hàng với lãi suất thấp hơn. Bà vay ngân hàng được 200.000.000 đồng, trả nợ gốc cho bà L là 80.000.000 đồng, còn nợ lại 220.000.000 đồng. Ngày 19/6/2025, hai bên lập lại giấy nhận nợ mới đối với khoản nợ 220.000.000 đồng, bà xác nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ là của bà. Kể từ sau ngày 19/6/2025, bà không tiếp tục thanh toán cho bà L khoản tiền nào.

Về tiền lãi, bà A không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà L, với lý do đã trả số tiền lãi 45.000.000 đồng trong 05 tháng đầu. Bà A chỉ đồng ý trả lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định (1,67%/tháng) đối với số tiền còn nợ lại.

Đối với anh Lê Công H2, việc ký tên trong giấy nợ chỉ theo yêu cầu của bà L, không liên quan đến nghĩa vụ vay; phía nguyên đơn không yêu cầu anh H2 chịu trách nhiệm liên đới nên bà A không có ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Kim H1 trình bày:

Bà (Lê Kim H1) là chị ruột của bà Lê Bình A và là hàng xóm của bà L. Do bà A gặp khó khăn về vốn kinh doanh mãng cầu, bà A nhờ bà giới thiệu, hỏi mượn tiền của bà L. Bà có ký tên trong giấy mượn tiền với tư cách làm chứng.

Bà xác nhận việc bà Lê Bình A vay tiền của bà L là có thật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà A trả số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi, bà không có ý kiến. Bà khẳng định tranh chấp giữa bà L và bà A không liên quan đến bà, đồng thời đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 270.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả nợ gốc, xin giảm lãi.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà A. Buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng và lãi suất 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 270.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H1 có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu bà Lê Bình A trả số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi 50.000.000 đồng, tổng cộng 270.000.000 đồng, thấy rằng:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Bà L trình bày cho bà A vay số tiền 300.000.000 đồng ngày 19/8/2024, được bà A thừa nhận đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS, do đó có cơ xác định bà L cho bà A vay 300.000.000 đồng từ ngày 19/8/2024 là có thật. Ngày 19/6/2025, bà An trả cho

bà L số tiền 80.000.000 đồng, còn nợ lại 220.000.000 đồng, có viết giấy xác nhận nhận nợ. Bà A xác định có ký tên trong giấy nợ ngày 19/6/2025 là của bà. Do đó, bà L yêu cầu bà A trả số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi: Bà A thừa nhận khi vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất 3%, thời hạn vay 01 tháng nên có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà L và bà A là hợp đồng vay tài sản có lãi và có thời hạn.

Bà L cho rằng từ ngày vay (ngày 19/8/2024) đến nay bà A chưa trả tiền lãi, việc bà A cho rằng đã trả cho bà L 05 tháng tiền lãi từ ngày 29/8/2024 đến ngày 19/01/2025 là 45.000.000 đồng, bà L không thừa nhận, bà A cũng không có chứng chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận.

Bà L yêu cầu tính lãi từ ngày vay là 19/8/2024 đến ngày 19/6/2025 với số tiền gốc 300.000.000 đồng và từ ngày 19/6/2025 đến khi xét xử sơ thẩm của số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 1,67%/tháng. Trong quá trình làm việc bà A cũng yêu cầu tính lãi suất theo quy định là 1,67%/tháng, tuy nhiên việc bà xin giảm lãi không được phía nguyên đơn chấp nhận. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn thanh toán số tiền lãi 50.000.000 đồng là có lợi cho bà A nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Bà L khởi kiện chỉ yêu cầu bà A có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 270.000.000 đồng, không yêu cầu ai khác có trách nhiệm liên đới cùng bà A trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên có sơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của BLTTDS và Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, L phí Tòa án: Bà L được miễn tiền tạm ứng án phí, Bà Lê Bình A phải chịu án phí theo luật định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 92, 147, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429; 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bà Lê Bình A về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Lê Bình A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Ghi nhận bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ai khác cùng bà Lê Bình A trả số nợ trên.

Kể từ ngày 16/01/2026 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L được miễn tiền tạm ứng án phí.

Bà Lê Bình A phải chịu 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu tập án.

(02.D01.149.10.723.762)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Phượng